



PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ NHANH

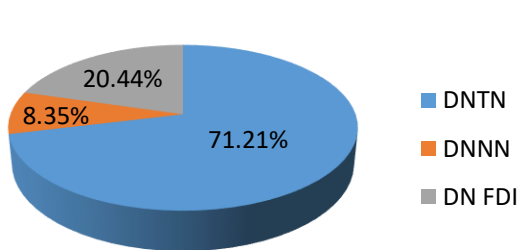
Tác động của đại dịch COVID-19 tới vấn đề lao động, việc làm trong các doanh nghiệp tại Việt Nam.

Hà nội, tháng 4/2020

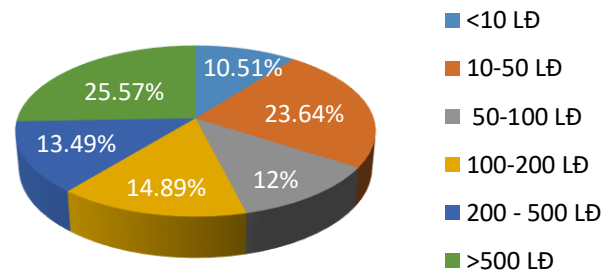
1. Giới thiệu về cuộc khảo sát

Báo cáo này được tổng hợp dựa trên số liệu khảo sát nhanh trực tuyến do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện vào tháng 3 năm 2020, kiến nghị thu thập được từ các cuộc họp trực tuyến, và báo cáo từ trên 700 doanh nghiệp và Hiệp hội Doanh nghiệp thuộc 46 tỉnh/thành phố trong cả nước.

Mẫu khảo sát bao gồm doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp chế biến chế tạo (trong đó có doanh nghiệp dệt may, da giày, điện tử), bán buôn, bán lẻ, sửa chữa, kho bãi vận tải, dịch vụ lưu trú và ăn uống và dịch vụ hỗ trợ, giáo dục đào tạo, nông lâm ngư nghiệp, xây dựng, tài chính, y tế... là những ngành đang chịu tác động hết sức to lớn từ đại dịch Covid-19. Mẫu khảo sát bao gồm hơn 8% khối doanh nghiệp nhà nước (DNNN), khoảng 71% là doanh nghiệp tư nhân trong nước (DNTN) và hơn 20% doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DN FDI). Trong mẫu khảo sát có đủ cơ cấu DN theo quy mô lao động từ DN nhỏ, vừa và lớn. Trong đó, nhóm DN có trên 500 lao động chiếm 25,57% và nhóm dưới 10 lao động chiếm 10,51%.



Hình 1: Cơ cấu DN khảo sát theo loại hình DN



Hình 2: Cơ cấu DN khảo sát theo quy mô LĐ

2. Một số phát hiện chính

2.1. Thực trạng và tác động đối với doanh nghiệp về vấn đề lao động, việc làm trong đại dịch Covid-19 (chia theo nhóm ngành/ địa phương/ loại hình DN/ quy mô DN...)

Nguyên liệu đầu vào

Nhìn chung có một tỷ lệ lớn các DN trong mẫu khảo sát sử dụng nguyên liệu chính phục vụ sản xuất từ nguồn nhập khẩu. Tính chung, có 34,36% DN sử dụng dưới 10% và 39,71% sử dụng trên 50% nguyên liệu đầu vào chính phục vụ sản xuất nhập khẩu từ nước ngoài. Các DN FDI sử dụng nguyên liệu đầu vào từ nguồn nhập khẩu nhiều hơn và phổ biến hơn. Đặc biệt, có đến 66,67% DN FDI sử dụng trên 50% nguyên liệu đầu vào chính phục vụ sản xuất được nhập khẩu từ nước ngoài. Tỷ lệ này ở DNNN là 37,84% và ở DNTN là 31,07%

Thị trường tiêu thụ sản phẩm

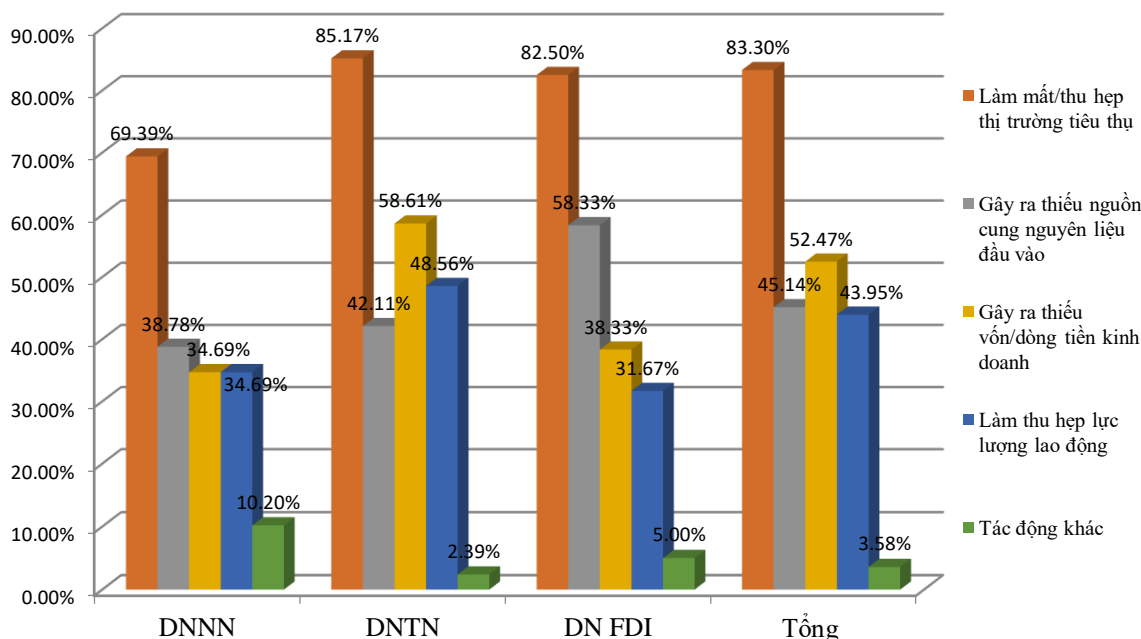
Có hơn 52% số DN được khảo sát cho biết thị trường chính của họ là thị trường nội địa. Tuy nhiên, tầm quan trọng của thị trường nội địa khác nhau đối với DN trong nước và DN FDI. Trong khi hơn 62% DNTN và gần 45% DN NN cho rằng thị trường nội địa là thị trường chủ yếu, thì chỉ có 21,7% DN FDI cho rằng thị trường nội địa là chủ yếu đối với họ.

Tuy nhiên, các DN cũng đều cho biết thị trường quốc tế có vị trí rất quan trọng đối với họ. 27,26% số DN coi châu Á là thị trường chủ yếu; 50,77% DN coi châu Âu và 20,41% coi châu Mỹ là thị trường chủ yếu của họ. Đặc biệt, các DN FDI coi thị trường quốc tế quan trọng hơn thị trường nội địa, trong đó châu Âu và châu Mỹ quan trọng hơn châu Á.

Các tác động chính của đại dịch COVID-19 đến doanh nghiệp

Đại dịch Covid-19 thực sự đã có những tác động hết sức nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của các DN, trong đó tác động mạnh nhất là thu hẹp thị trường. Có đến 83,30% DN cho biết dịch bệnh đã làm cho thị trường bị thu hẹp, trong đó chịu ảnh hưởng mạnh nhất là các DNTN (85,17%), tiếp theo là các DN FDI với 82,50% và DN NN với 69,39% mất thị trường ảnh hưởng đến vốn và tiền mặt. 52,47% DN được khảo sát cho rằng dịch bệnh khiến họ thiếu vốn/dòng tiền kinh doanh, trong đó chịu tác động mạnh nhất là DNTN (58,61%). Đại dịch gây ra thiếu nguồn cung về nguyên liệu đầu vào cho 45,14% DN. Sản xuất khó khăn làm giảm nhu cầu sử dụng lao động và thu hẹp lực lượng lao động của gần 43,95% số DN được khảo sát, đặc biệt là đối với DNTN (48,56%).

Chỉ có 3,75% DN cho biết doanh thu ước tính năm 2020 tăng lên so với năm 2019 và 4,43% DN cho rằng doanh thu tương đương năm 2019. Còn lại khoảng gần 92% số DN cho rằng năm 2020 doanh thu của họ bị sụt giảm so với năm 2019 trong đó đáng chú ý có 21,47% DN thông báo sụt giảm doanh thu trên 50%; 27,77% số DN sụt giảm doanh thu từ 30-50%; 20,44% số DN sụt giảm doanh thu từ 20-30%. Tình hình này đều nghiêm trọng đối với tất cả các nhóm DN (DN NN, DNTN và DN FDI), trong đó sụt giảm nhiều hơn thuộc nhóm DNTN, 30,38% số DN sụt giảm từ 30-50% doanh thu và hơn 22% sụt giảm trên 50% doanh thu.



Hình 2: Các tác động chính của Covid-19 đối với DN

Thời gian duy trì hoạt động nếu dịch bệnh kéo dài

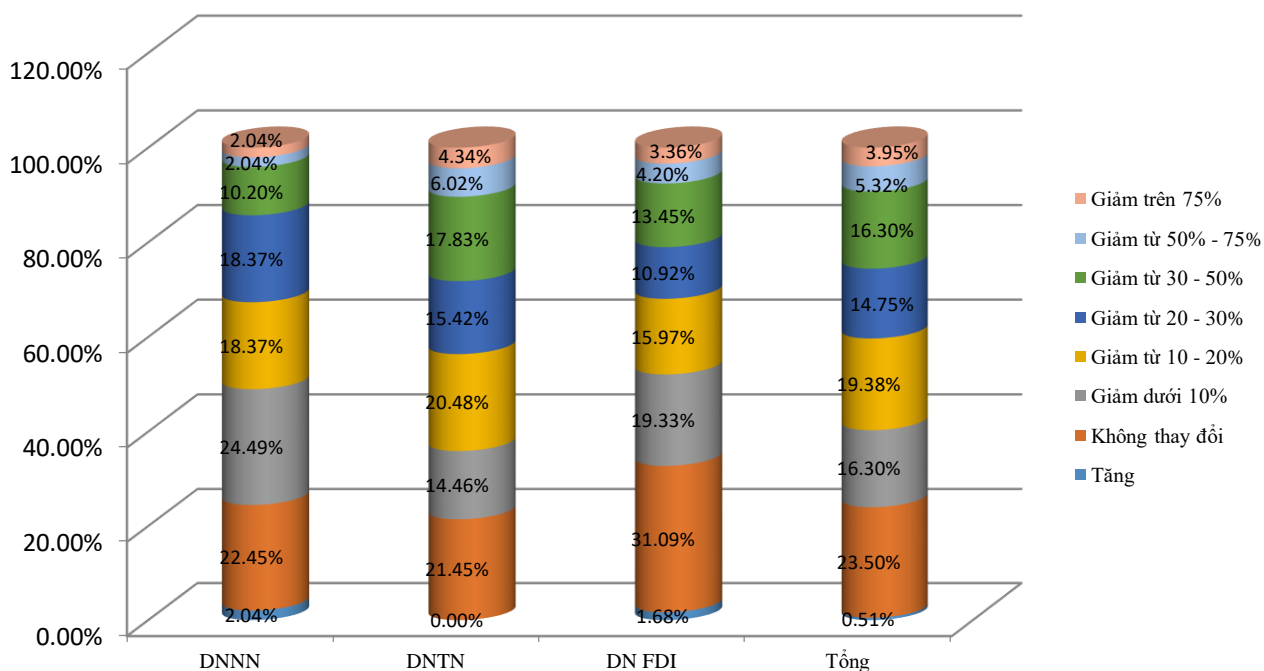
Trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp như hiện nay, với sự phụ thuộc mạnh vào thị trường nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, thị trường tiêu thụ hàng hóa ở nước ngoài, cũng như thu hẹp cầu nội địa, việc duy trì SXKD đối với các DN là hết sức khó khăn. Có đến 29,81% số DN chỉ có thể duy trì hoạt động được từ 1-3 tháng, 29,47% duy trì được từ 3-6 tháng, 20,78% DN có thể duy trì hoạt động trong 6-12 tháng và chỉ gần 20% số DN thông báo có thể duy trì được trên 1 năm. Việc khó khăn trong duy trì sản xuất, bên cạnh nhiều hệ lụy về kinh tế, tất yếu sẽ ảnh hưởng đến duy trì việc làm, ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động. Khó khăn nhất là các DNTN và DN FDI với số DN có thể duy trì hoạt động chỉ từ 1-3 tháng tương ứng là 33,33% và 30,38%.

Nếu xem xét theo các nhóm ngành, tình hình duy trì hoạt động khó khăn thuộc về các DN trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; bán buôn bán lẻ; và dịch vụ lưu trú và ăn uống. Khoảng 63% DN ngành công nghiệp chế biến chế tạo dự kiến chỉ có thể duy trì được hoạt động từ 1-6 tháng. Tỷ lệ tương ứng đối với nhóm bán buôn, bán lẻ là khoảng 60% và với nhóm dịch vụ lưu trú và ăn uống là 75%.

Biến động lao động

Trong bối cảnh duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn như hiện nay, không khó để dự đoán về tình hình sử dụng lao động. Hơn 75% số DN thông báo số lao động làm việc sẽ giảm xuống. Phổ biến, mức cắt giảm lao động là từ 10% đến 50%. Đặc biệt, có gần 10% số DN giảm trên 50% số lao động làm việc. Giảm lao động nhiều nhất diễn ra trong các DNTN. Còn lại 23,50% số DN không tăng lao động, và chỉ có 0,51% số DN thông báo có tăng lao động.

Tình hình cắt giảm mạnh lao động diễn ra trong các DN giáo dục đào tạo và hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ (gần 83%); dịch vụ lưu trú và ăn uống (gần 81%); công nghiệp chế biến chế tạo (gần 78%). Tuy nhiên, với hàng chục triệu lao động làm việc trong các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, đặc biệt là dệt may, da giày, điện tử, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ... thì số DN cắt giảm lao động sẽ dẫn tới số lao động bị mất việc làm có thể lên tới hàng triệu người trong thời gian tới.



Hình 3: Tỷ lệ biến động LĐ trong DN theo ngành

Tình thần làm việc của người lao động

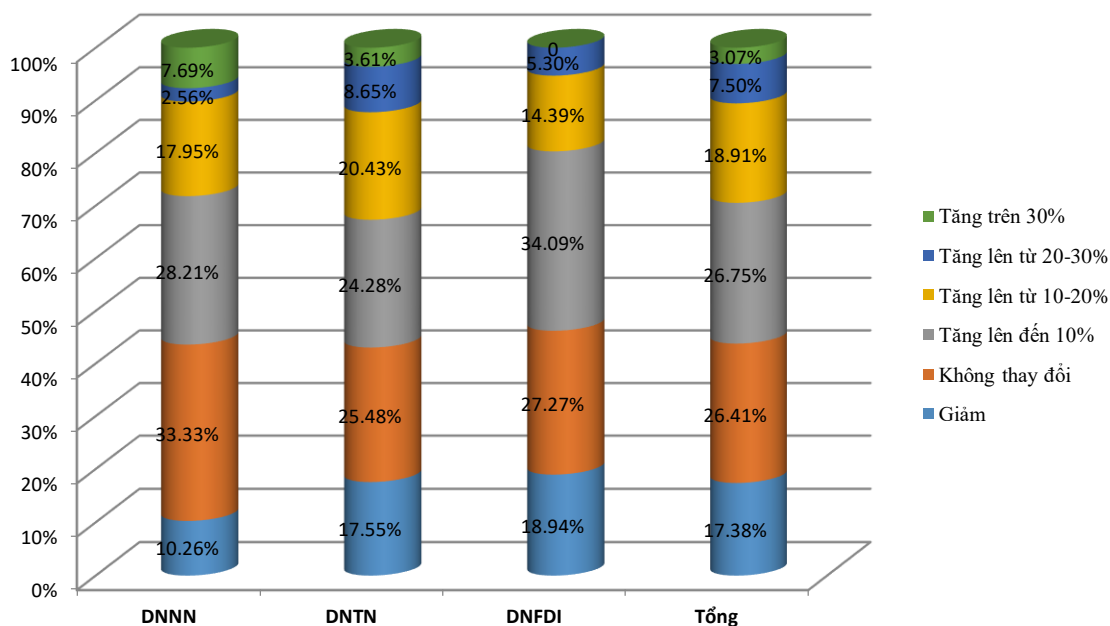
Hai phần ba số DN được khảo sát cho biết người lao động không an tâm với tình hình hiện nay. Sự lo lắng đến từ nhiều phía: lo lắng bị nhiễm bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của bản thân và gia đình; lo lắng về công ăn việc làm và đảm bảo thu nhập; lo lắng về cách tổ chức cuộc sống trong bối cảnh có nhiều xáo trộn như đóng cửa trường học, khó khăn trong đi lại... Sự không an tâm với tình hình hiện tại của người lao động diễn ra phổ biến hơn trong các DNTN với hơn 66% so với 59,52% trong các DNNN và 52,38% trong các DN FDI.

Biến động về chi phí lao động

56,22% số DN cho biết chi phí lao động trên một lao động năm 2020 sẽ tăng lên so với năm 2019, và do đó sẽ chông chát thêm khó khăn cho doanh nghiệp. 26,75% số DN cho biết chi phí trên một lao động sẽ tăng lên đến 10%; 18,91% số DN cho biết sẽ tăng lên từ 10-20% và gần 11% số DN cho biết sẽ tăng lên trên 20%. Tình hình không có sự khác biệt nhiều giữa các loại DN (DNNN, DNTN, DN FDI). Khoảng 26,41% số DN cho biết chi phí này sẽ không thay đổi và 17,38% số DN cho biết chi phí lao động trên một lao động sẽ giảm so với năm 2019.

Tỷ lệ DN thông báo tăng chi phí bình quân trên một lao động cao nhất thuộc nhóm ngành giáo dục đào tạo và hoạt động chuyên môn khoa học, công nghệ (gần 68%); công nghiệp chế biến chế tạo (gần 60%); ngành nông lâm nghiệp và thủy sản (55,3%).

So với cùng kỳ năm 2019, chi phí lao động trung bình trên một lao động tăng phổ biến hơn ở các doanh nghiệp có quy mô lao động lớn hơn Chi phí lao động trung bình trên một lao động tăng cao nhất ở các DN có từ 50-100 lao động (67,61%), tiếp theo là ở các DN có số lao động từ 200-500 lao động (63,1%); các DN có số lao động từ 100-200 lao động (60,92%); các DN trên 500 lao động (55,41%); các DN có từ 50-100 lao động (52,94%), và cuối cùng là ở các DN có dưới 10 lao động (36,7%). Rõ ràng các DN cực nhỏ có lợi thế trong việc linh hoạt điều chỉnh lực lượng lao động, còn các DN lớn hơn cần phải tính đến việc duy trì lực lượng lao động để sau khủng hoảng có thể sớm ổn định sản xuất.



Hình 4: Tỷ lệ biến động chi phí lao động trong DN

Chi phí an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ)

Có đến 78% số DN thông báo chi phí ATVSLĐ tăng lên. Đặc biệt, có đến hơn 1/3 số DN thông báo chi phí tăng đến 10%, 1/3 số DN khác thông báo chi phí ATVSLĐ tăng từ 10-30% và hơn 8% số DN cho biết chi phí này tăng lên hơn 30%.

Nguyên nhân nghỉ việc phổ biến từ phía người lao động do tác động của dịch Covid-19

Trong thời kỳ đại dịch, một số người lao động phải nghỉ việc. Những lý do phổ biến nhất bao gồm: nghỉ do thiếu việc (61,50%); nghỉ do lo ngại dịch bệnh (39,35%); nghỉ để trông con do nhà trường phải đóng cửa (38,50%) và một số phải cách ly do ảnh hưởng của dịch bệnh (27,94%).

2.2. Các giải pháp/sáng kiến đang được doanh nghiệp triển khai nhằm ứng phó với khủng hoảng do ảnh hưởng đại dịch Covid-19

Chính sách/hướng dẫn/bộ phận ứng phó với tác động của các thiên tai/dịch bệnh/thảm họa như đại dịch Covid-19

Gần 74% số DN cho biết có chính sách hoặc hướng dẫn hay một bộ phận để ứng phó với tác động của đại dịch Covid-19. Trong đó, cao nhất là các DN FDI với 85,83%, tiếp đến là các DNTN (70,57%) và DNNN (70,21%). Tỷ lệ các DN càng đông lao động thì tỷ lệ có chính sách/hướng dẫn hay một bộ phận ứng phó càng cao hơn so với các DN ít lao động hơn. Điều này cũng phản ánh thực tế về tình hình quản lý lao động, đảm bảo điều kiện an toàn và ứng phó kịp thời của doanh nghiệp trước khủng hoảng.

Các giải pháp phòng/chống đại dịch COVID-19 tại nơi làm việc

Số liệu khảo sát cho thấy các DN đã rất tích cực và chủ động triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh tại nơi làm việc, bao gồm: Chủ động phòng dịch theo khuyến cáo của Bộ Y tế (99,32%); Tăng cường vệ sinh (khẩu trang, rửa tay, sát khuẩn...) (98,81%); Hạn chế đi công tác (96,08%); Hạn chế tụ tập (96,08%). Công tác thông tin truyền thông, trao đổi thông tin với người lao động về dịch bệnh cũng được hầu hết các DN quan tâm.

Các giải pháp về sử dụng lao động

Trước tình hình dịch bệnh, các DN đã rất chủ động, sáng tạo đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời về sử dụng lao động hợp lý trong DN: gần 62% số DN đã áp dụng phương thức làm việc linh hoạt thời gian cho một bộ phận lao động; 47% DN không cắt giảm lao động nhưng giảm giờ làm; 41,23% DN tổ chức cho người lao động làm việc tại nhà; gần 41% DN tranh thủ thời gian dịch bệnh để đào tạo lại nhân viên. Chỉ 19,42% số DN cho biết họ cắt giảm lao động/chấm dứt hợp đồng và 19,93% DN cho biết phải cắt giảm lương của người lao động để không phải cắt giảm lao động.

Hình thức làm việc tại nhà được áp dụng phổ biến hơn trong các ngành bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô xe máy.(60,78%); ngành giáo dục đào tạo và hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ (58,62%); và dịch vụ lưu trú và ăn uống (50%). Làm việc linh hoạt thời gian được áp dụng phổ biến ở hầu hết các ngành và cũng là giải pháp được các doanh nghiệp lựa chọn chủ yếu (64,71%). Gần 30% DN áp dụng giải pháp không cắt giảm lao động nhưng giảm giờ làm, và được áp dụng nhiều hơn trong các ngành Dịch vụ lưu trú và ăn uống, và công nghiệp chế biến chế tạo. Khoảng 52% DN ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống khuyến khích người lao động nghỉ không lương tạm thời hoặc nghỉ phép năm.

Làm việc tại nhà phổ biến nhất là tại các DN có dưới 10 lao động áp dụng giải pháp cho người lao động làm việc tại nhà phổ biến nhất (70%) và làm việc linh hoạt thời gian phổ biến nhất (83,33%). Các DN có từ 10-50 lao động cũng sử dụng phổ biến biện pháp làm việc linh hoạt thời gian (hơn 77%). Rõ ràng là việc áp dụng giải pháp về sử dụng lao động phụ thuộc rất nhiều vào tính chất công việc, tính chất tổ chức lao động của mỗi doanh nghiệp, đặc điểm ngành nghề và điều kiện thực thi.

Cách xử lý với lao động bị cách ly (F0-1-2) (nếu có)

Về câu hỏi cách xử lý của DN khi lao động của họ buộc phải cách ly, gần 50% số DN cho biết họ sẽ cho người lao động nghỉ việc có hưởng lương; khoảng 20% cho nghỉ việc không lương và khoảng 30% sẽ có cách xử lý khác (ví dụ khuyến khích lao động nghỉ phép năm, hoặc hỗ trợ một phần tiền lương và vẫn tiếp tục đóng BHXH cho người lao động, v.v...). Tỷ lệ DN cho lao động bị cách ly nghỉ không lương cao nhất là nhóm DNTN với 22,73%.

Khi giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi người lao động trong thời kỳ đại dịch COVID -19, có khoảng 85% doanh nghiệp có cung cấp thông tin và tham khảo ý kiến đại diện tập thể người lao động. Tỷ lệ này ở các DN FDI và DNTN là 86% và DNNN là khoảng 74%.

2.3. Các kiến nghị của doanh nghiệp

Các kiến nghị chung

Với tình hình dịch bệnh đang lan rộng như hiện nay, các DN đang gặp rất nhiều khó khăn trong duy trì sản xuất, cũng như người lao động đang chịu nhiều rủi ro. Trong bối cảnh đó, các DN đã

đưa ra nhiều kiến nghị đối với Nhà nước trong việc hỗ trợ DN tồn tại, hỗ trợ người lao động vượt qua khủng hoảng, cụ thể:

- 69,85% số DN đề nghị Nhà nước hỗ trợ tài chính/tín dụng/khoanh nợ/giãn nợ;
- 83,82% số DN đề nghị Nhà nước hỗ trợ thuế (giảm thuế, nộp chậm thuế);
- 58,77% số DN đề nghị Nhà nước có chương trình hỗ trợ bảo vệ việc làm cho NLĐ;
- 38,67% số DN đề nghị Nhà nước hỗ trợ phòng dịch cho NLĐ trong thời gian dịch bệnh;
- 72,57% số DN đề nghị Nhà nước tạm dừng đóng BHXH từ tháng 3 đến hết tháng 12-2020;
- 55,71% số DN đề nghị Nhà nước tạm dừng đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 3 đến hết tháng 12-2020;
- 21,29% số DN đề nghị Nhà nước hỗ trợ đào tạo lại cho NLĐ;
- 13,97% số DN đề nghị Nhà nước hỗ trợ trả lương cho NLĐ

Kiến nghị về đóng góp quỹ công đoàn

- 76,49% số DN đề nghị tạm hoãn đóng quỹ Công đoàn đến hết tháng 12-2020 và giảm tỷ lệ đóng quỹ Công đoàn xuống 1% từ tháng 3 đến hết tháng 12-2020.

Kiến nghị về điều chỉnh tiền lương tối thiểu năm 2021

- Khoảng 82% số DN khảo sát đề nghị không tăng tiền lương tối thiểu năm 2021

3. Một số khuyến nghị của VCCI nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch COVID -19 đối với lao động và việc làm

Kết quả khảo sát một lần nữa cho thấy những bằng chứng thực tiễn về mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 đến tình hình sản xuất kinh doanh của DN, đến việc làm, thu nhập và đời sống của người lao động.

Đại đa số các DN Việt Nam đều chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh do phụ thuộc vào nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào và thị trường tiêu thụ sản phẩm từ thị trường quốc tế, và đó cũng đều là những nơi đang chịu tác động mạnh của dịch bệnh làm gián đoạn nguồn cung đầu vào và sức tiêu thụ hàng hóa. Đại đa số các doanh nghiệp cho biết doanh thu của họ sẽ bị giảm sút trong năm 2020 so với năm 2019.

Kết quả khảo sát cho thấy khu vực DNTN, các doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ (và cả khu vực phi kết cấu) và người lao động làm việc trong khu vực này đang chịu tác động mạnh hơn, chịu tổn thương nhiều hơn so với các khu vực DN khác. Những DN gắn với thị trường quốc tế (cả đầu vào và đầu ra) chịu tác động nhiều hơn những DN khác. Ngoài ra, hiện nay các địa phương vẫn tiếp tục cho học sinh nghỉ học, điều này giúp ngăn chặn dịch lây lan, song lại ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh, sinh viên, nhiều lao động phải nghỉ việc, một số phải làm việc tại nhà để trông con.

Các DN đã chủ động triển khai nhiều giải pháp để duy trì sản xuất, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, do cú sốc quá mạnh, quá nhanh, quy mô tác động quá lớn và còn có thể còn kéo dài một số tháng nữa, lo ngại chung của các DN là đến lúc buộc phải cắt giảm lao động, hoặc giảm giờ làm, giảm tiền lương và như vậy sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người lao động. Chỉ một mình các DN đối phó với đại dịch là không đủ, và các DN đã đưa ra nhiều kiến nghị đối với Chính phủ, các Bộ ngành liên quan đến các chính sách về tài chính, tín dụng, về thuế, về đóng góp quỹ công đoàn, đóng góp BHXH, BHYT, quỹ công đoàn, đào tạo lao động, trợ cấp cho người lao động, điều chỉnh tiền lương tối thiểu năm 2021 ...

Những con số dự báo đáng lo ngại từ các tổ chức quốc tế cho thấy những dấu hiệu suy thoái kinh tế toàn cầu đang gia tăng. Khả năng chống chịu và duy trì hoạt động kinh doanh của các DN sẽ giảm dần, đặc biệt khó khăn là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN). Theo ILO, đại dịch Covid-19 sẽ tác động đến thế giới việc làm trên ba khía cạnh chính: 1) Số lượng việc làm (bao gồm cả thất nghiệp và thiếu việc làm); 2) Chất lượng việc làm (tiền lương và tiếp cận an sinh xã hội); 3) Ảnh hưởng đến các nhóm cụ thể, những người dễ bị tổn thương hơn với tình trạng bất lợi trong thị trường lao động.

ILO đề xuất ba cột trụ chính sách để chống lại tác động đại dịch Covid-19 dựa trên các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế bao gồm: (1) Bảo vệ người lao động tại nơi làm việc để giảm thiểu ảnh hưởng trực tiếp của vi-rút corona; (2) Kích thích nền kinh tế và cầu lao động thông qua chính sách kinh tế và việc làm để ổn định hoạt động của nền kinh tế; (3) Bảo vệ việc làm và thu nhập cho doanh nghiệp và người lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các tác động gián tiếp (đóng cửa nhà máy, gián đoạn chuỗi cung ứng, cấm đi lại, hủy bỏ các sự kiện công cộng, v.v.). Đối với Việt Nam, IMF khuyến cáo Chính phủ cần có các biện pháp có mục tiêu và có thời hạn trong thời gian bị đại dịch theo hướng: (i) sử dụng kết dư của quỹ bảo hiểm thất nghiệp để tăng mức trợ cấp và tăng đối tượng được hưởng trợ cấp thất nghiệp; (ii) thực hiện tốt hơn nữa các chương trình trợ cấp tiền mặt hiện có; và (iii) bổ sung các chính sách trợ cấp tiền mặt mới cho người lao động và hộ gia đình bị ảnh hưởng.

Đến thời điểm hiện tại nhiều nước trên thế giới và trong khu vực đã thông qua các gói giải cứu khủng hoảng để hỗ trợ cho DN và người dân. Nhiều chính sách thị trường lao động và an sinh xã hội đã được ban hành để hỗ trợ cho người lao động, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương nhất.

Theo Ngân hàng Thế giới, tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2020, đã có 45 quốc gia trên thế giới giới thiệu, điều chỉnh hoặc mở rộng các chương trình an sinh xã hội, thị trường lao động để đối phó với đại dịch Covid-19, trừ Châu Phi, bao gồm:

- Các biện pháp được sử dụng rộng rãi nhất là hỗ trợ tiền mặt (30 chương trình), trợ cấp lương (11 chương trình), trợ cấp nghỉ ốm (10 chương trình) và nhiều hình thức đóng góp an sinh xã hội và bảo hiểm thất nghiệp được hỗ trợ khác;
- Có 13 chương trình trợ giúp tiền mặt mới vừa được đưa ra ở Bolivia, Ấn Độ, Iran và Peru... Một khoản chi trả một lần bằng tiền mặt, toàn diện cho tất cả công dân sẽ được thực hiện ở Hồng Kông và Singapore. Các chương trình bằng hiện vật mới cũng đã được đưa ra, chẳng hạn như phiếu thực phẩm ở Đài Loan và ở Seattle, Hoa Kỳ;
- Các quốc gia đang điều chỉnh các chương trình trợ giúp xã hội hiện hành theo nhiều cách khác nhau, như:
 - o ước đoán khoản chi trả cho các chương trình chuyển tiền mặt trong tương lai, như ở Colombia và Indonesia;
 - o đảm bảo chi trả bổ sung, thường trên cơ sở một lần (Argentina, Armenia, Úc, Thổ Nhĩ Kỳ);
 - o cung cấp các mức hưởng lợi cao hơn (Trung Quốc);
 - o tăng mức độ bao phủ của các chương trình tiền mặt hiện hành (Brazil) và các chương trình việc làm công (Uzbekistan);
 - o cung cấp các giải pháp thiết kế sáng tạo, chẳng hạn như các chương trình bữa ăn ở trường, giao thức ăn trực tiếp cho trẻ em ở nhà hoặc các trung tâm lân cận (Jamaica và bang Kerala của Ấn Độ) hoặc điều chỉnh tài chính (Nhật Bản).
- Hỗ trợ thu nhập dưới dạng phiếu chăm sóc trẻ em hoặc các khoản phụ cấp được đưa ra ở Ý, Ba Lan và Hàn Quốc. Các chương trình trợ giúp xã hội khác bao gồm hỗ trợ cho người vô gia cư theo kế hoạch ở Tây Ban Nha; trợ cấp miễn phí dịch vụ cơ bản ở El Salvador; gia hạn các khoản vay và các nghĩa vụ tài chính khác (Bolivia);
- Nhiều quốc gia cung cấp hỗ trợ tiền mặt cho người lao động tự làm bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng (Ireland, Bồ Đào Nha, New Zealand) và những người trong khu vực phi chính thức (Ấn Độ);
- Một số quốc gia (như Hà Lan) đang giảm thời gian làm việc trong số tiền lương đã được thuê, kết hợp với nghỉ ốm có lương;
- Thụy Điển đang giảm thời gian hành chính cần cho các khoản chi trả cho nghỉ ốm, trong khi Thụy Sĩ đang làm như vậy với quy trình bảo hiểm thất nghiệp.

3.1. Khuyến nghị đối với Chính phủ

Vừa qua, Chính phủ đã ban hành hàng loạt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động, đặc biệt là Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ với 07 nhóm giải pháp toàn diện, sẽ hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp về nhiều mặt. Các bộ ngành đã có các văn bản cụ thể để triển khai Chỉ thị 11/CT-TTg của Thủ tướng hoặc đang chuẩn bị ban hành các chính sách mới.

Từ phía VCCI với vai trò tổ chức quốc gia đại diện cộng đồng doanh nghiệp và người sử dụng lao động tại Việt Nam, chúng tôi khẳng định trước hết cần thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Chỉ thị 11/CT-TTg. Các chính sách, chương trình hỗ trợ cần được triển khai càng nhanh càng tốt để hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động, vì càng để chậm thì tác dụng hỗ trợ càng giảm và chi phí cơ hội càng thấp. Để làm được điều này, cần thiết phải giảm quan liêu, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, thuận lợi hóa các dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin một cách mạnh mẽ.

Để có được cơ chế, chính sách đủ mạnh hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn hiện tại, cũng như việc ổn định, khôi phục sản xuất, kinh doanh, Chính phủ, các bộ ngành cần sớm tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm các nước, tổ chức đánh giá nhanh, tổng kết tình hình thực tiễn ở các địa phương, các doanh nghiệp để kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp giúp doanh nghiệp và người lao động;

Cần triển khai đồng bộ cùng lúc nhiều giải pháp để vừa hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục trụ vững, vừa hỗ trợ người lao động ổn định cuộc sống, bảo tồn được sức lao động, xã hội ổn định hơn và hiệu quả tổng hợp sẽ cao hơn; có như vậy mới tăng được tác động cộng hưởng của các chính sách. Cần tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ ngành và địa phương.

Một số kiến nghị cụ thể:

1. Cung cấp gói hỗ trợ cho doanh nghiệp chi trả cho người lao động lương ngừng việc, nghỉ việc tạm thời do nhà máy phải ngừng sản xuất vì ảnh hưởng của dịch bệnh, trợ cấp thôi việc/mất việc. Tăng cường các hỗ trợ đảm bảo việc làm, giữ việc làm, trước hết là ưu tiên hỗ trợ các DNTN, các nhóm lao động yếu thế, lao động trong các doanh nghiệp nhỏ, khu vực phi chính thức, lao động ngừng việc tạm thời, thiếu việc làm, người mất việc làm, người thất nghiệp. Chính phủ có thể dùng kết dư của quỹ BHTN để hỗ trợ 50% tiền lương cho người lao động ngừng việc và cho doanh nghiệp vay để trang trải các khoản chi phí lao động. Có chính sách hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp có nhiều lao động đào tạo nâng cao, chuyển đổi tay nghề. Hỗ trợ doanh nghiệp trong trường hợp có bất kỳ công nhân nào trong nhà máy có kết quả dương tính với Covid-19 và nhà máy phải đóng cửa 14 ngày để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh. Hỗ trợ giải quyết nhanh thủ tục BHTN sau khi thôi việc.

2. Đề nghị Chính phủ có hướng dẫn cụ thể về trường hợp người có hợp đồng lao động nghỉ việc, ngừng việc không hưởng lương trong thời gian dịch bệnh để người lao động vẫn giữ được việc làm; xem xét các chính sách về thời gian làm việc linh hoạt trong giai đoạn dịch bệnh để doanh nghiệp có thể giảm giờ làm việc hàng tuần và điều chỉnh mức lương phù hợp cho người lao động; cho phép người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận trả mức lương thấp hơn mức tiền lương tối thiểu vùng trong thời gian dịch bệnh, được phép giảm giờ làm và trả lương tương ứng với giờ làm việc; cho phép người lao động được hưởng bảo hiểm thất nghiệp toàn phần đối với các doanh nghiệp bị đóng cửa để giữ chân người lao động; cho phép không tính lương tăng ca đối với doanh nghiệp giảm số lượng lao động, tăng giờ làm thêm trong nhà máy do thực hiện việc đảm bảo yêu cầu giãn cách xã hội phòng chống dịch bệnh theo quy định của Bộ Y tế và hướng dẫn của các địa phương.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cấp mới, gia hạn giấy phép lao động, visa cho lao động nước ngoài đã nhập cảnh vào Việt Nam trước thời điểm dịch bệnh bùng phát hoặc đang thực hiện cách ly 14 ngày theo quy định nhưng bị từ chối với lý do là người nước ngoài.

4. Về việc thực hiện an toàn vệ sinh lao động và phòng chống lây nhiễm tại các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, Chính phủ cần có văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành hướng dẫn doanh nghiệp tiến hành cách ly, tự cách ly và xử lý tình huống liên quan trong trường hợp doanh nghiệp có người bị nhiễm bệnh hay nghi nhiễm, cách hạn chế rủi ro dẫn đến đóng cửa nhà máy nếu xuất hiện trường hợp nhiễm bệnh tại nơi làm việc (cách ly từng phần hay toàn bộ), các hỗ trợ thiệt hại (nếu có)... Ngoài ra, cũng cần có các quy định chính sách đối với người lao động trong thời gian cách ly (hưởng bảo hiểm y tế hay doanh nghiệp phải chi trả).

5. Về chính sách BHXH, BHTN, đóng góp quỹ công đoàn, phí công đoàn và điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng năm 2021

- Không điều chỉnh lương tối thiểu vùng cho năm 2021
- Tạm dừng đóng của người sử dụng lao động vào quỹ công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong năm 2020. Đề nghị Chính phủ trình ra Quốc hội đề xuất giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp từ 1% xuống 0,5% ít nhất trong thời hạn 6 đến 12 tháng, giảm mức đóng kinh phí công đoàn từ 2% xuống còn 1% trước mắt cho năm 2020

3.2. Khuyến nghị đối với doanh nghiệp, tổ chức đại diện người sử dụng lao động

Các doanh nghiệp cần theo dõi sát tình hình, tiếp tục phát huy các sáng kiến, các giải pháp hiện nay để tiếp tục trụ vững và phát triển. Một số điểm cụ thể:

- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp. Đây là lúc cần tập trung xem xét các điều kiện để đổi mới tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường, tổ chức lao động để tăng hiệu quả, tăng năng lực cạnh tranh, chuẩn bị bước phát triển mới sau khi đại dịch đi qua;
- Nhanh chóng thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Đây là giải pháp đã được nhắc tới rất nhiều cả ở cấp độ Chính phủ và doanh nghiệp dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.
- Thực hiện tiết kiệm, cắt giảm chi phí. Đây là biện pháp rất “cổ điển” nhưng rất hữu ích và bắt buộc doanh nghiệp phải thực hiện khi đối mặt với khó khăn về nguồn cung và thị trường, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh. Cần rà soát lại toàn bộ các chi phí và thực hiện giảm, cắt giảm các chi phí đến mức tối đa.
- Đào tạo và đào tạo lại nhân viên để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai – công việc mà do hạn chế về thời gian doanh nghiệp chưa thực hiện được; xây dựng hệ thống trả lương linh hoạt (có thể thấp hơn mức tối thiểu vùng);
- Sử dụng có hiệu quả các hỗ trợ của Chính phủ để ổn định sản xuất và quan tâm đến người lao động.

3.3. Khuyến nghị đối với tổ chức đại diện tập thể người lao động và người lao động

Đây là lúc cần sự chia sẻ của nhiều bên, đặc biệt là người lao động và tổ chức đại diện tập thể người lao động. Cần quan tâm xem xét thỏa đáng việc điều chỉnh đóng góp quỹ công đoàn của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển; xem xét việc giảm giờ làm, giảm tiền lương trong thời dịch bệnh để chia sẻ chi phí với doanh nghiệp. Người lao động cần tranh thủ đào tạo, tự đào tạo nâng cao tay nghề, kỹ năng để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc sau khi đại dịch qua đi./.